

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Thanh Đình;
2. Bà Vũ Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Xuân A, xã Tịnh H, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Xuân A, xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-8-2019, biên bản hòa giải ngày 10-10-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H sau thời gian tìm hiểu khoản 02 năm thì tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-03-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà riêng để sống tại địa chỉ: Thôn Xuân A, xã Tịnh H, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; thời gian đầu vợ chồng sống hạnh

phúc, được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Ngọc H chưa có công việc ổn định lại thường xuyên chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con và gia đình; mặt khác giữa chị và anh H có quá nhiều khác biệt trong cách nghĩ và quan điểm sống nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng hơn.

Quá trình chung sống chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được, trước đây chị đã từng gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, nhưng qua động viên của gia đình và thương con nên chị đã rút đơn về lại, mục đích là để cho anh H nhận ra được trách nhiệm của một người chồng, người cha. Tuy nhiên anh H vẫn không thay đổi.

Nay chị B xét thấy đời sống chung không thể hòa hợp, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh H không thể sống chung với nhau được nữa, chị không còn yêu thương anh H nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc H có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04-5-2012. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo K; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay chị làm nghề uốn tóc, có thu nhập ổn định từ 07 đến 08 triệu đồng mỗi tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng và có nhiều thời gian để đưa đón, chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh, chị.

Tại bản tự khai ngày 30-9-2019 và biên bản hòa giải ngày 10-10-2019 bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên anh H không đồng ý ly hôn, anh xác định vẫn còn yêu thương chị B và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi con và chăm lo hạnh phúc gia đình. Trường hợp chị B kiên quyết ly hôn và có căn cứ để Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H và chị Bé có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04-5-2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh và giao con chung cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con; trường hợp giao con chung cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan tranh chấp và thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa (bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04-5-2012 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh H đều trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001598 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H và giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H có địa chỉ tại: Thôn Xuân A, xã Tịnh H, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó có cơ sở xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc H có tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi

cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01, ngày, tháng, năm đăng ký: 04/03/2011, đồng thời có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ngày 01-10-2019 giữa Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi với đại diện chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú là Ủy ban nhân dân xã Tịnh H, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thì địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng của chị B và anh H, vì chị B và anh H không báo với chính quyền địa phương. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 10-10-2019 bị đơn anh Nguyễn Ngọc H thừa nhận là do anh chưa có công việc làm ổn định lại thường xuyên chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ và gia đình, mặc khác giữa anh H và chị B có nhiều khác biệt trong cách nghĩ và quan điểm sống, nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng hơn. Quá trình chung sống vợ chồng, chị B đã từng gởi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi để giải quyết ly hôn giữa chị với anh H, nhưng để tạo điều kiện và cho anh H có cơ hội sửa chữa thay đổi chị đã rút đơn và Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã đình chỉ giải quyết vụ án theo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019. Tuy nhiên kể từ thời điểm đó đến nay anh H vẫn không thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh Nguyễn Ngọc H không có ý thức mong muốn và hành động về việc chăm lo hạnh phúc gia đình, đời sống chung giữa vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc H có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04-5-2012. Chị B và anh H đều có yêu cầu được nuôi con, xét việc quyết định giao con cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của con, về điều kiện trông nom, chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị B có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc và đưa đón con, trái lại anh H thừa nhận có chơi cờ bạc, đi chơi về khuya, công việc không ổn định; theo nguyện vọng của cháu K tại bản tự khai ngày 10-10-2019, khi ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ (chị B), đồng thời hiện nay cháu K đang trong độ tuổi hình thành và phát triển về nhân cách; nên việc giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là không phù hợp. Do đó, để đảm bảo về vật chất, tinh thần và sự phát triển tâm sinh lý bình thường cần giao cháu K cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị B đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04-5-2012 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001598 ngày 18-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh H, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Tuấn